

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC MÔN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TIỂU HỌC

Võ Thị Ngọc Trâm
Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Phương pháp dạy học Tiếng Việt là học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học bậc cao đẳng, nó cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lí luận dạy học bộ môn. Các kiến thức của học phần này vừa mang tính lí thuyết lại vừa mang tính kinh nghiệm và thực hành. Trong xu thế đổi mới phương pháp dạy học ở đại học hiện nay, đặc biệt là việc áp dụng đào tạo theo tín chỉ thì việc hướng dẫn, tổ chức các hoạt động để sinh viên tự học, tự nghiên cứu trong giảng dạy học phần này là điều rất cần thiết.

Từ khóa: *hoạt động tự học, kĩ năng tự học, nhóm tự học, phương pháp dạy học Tiếng Việt, chương trình đào tạo giáo viên tiểu học*

*

Nguồn gốc của tính tích cực là nhu cầu. Khi người học có nhu cầu thì sẽ tự giác tìm kiếm tri thức. Khi phát hiện các tình huống mâu thuẫn của lí thuyết hay thực tế mà bằng kiến thức cũ không thể giải quyết được, họ buộc phải tìm con đường khám phá. Nói cách khác, “tư duy sáng tạo luôn luôn bắt đầu bằng một tình huống gợi vấn đề” [1: 435].

Đối với sinh viên, tính tích cực bên trong thường nảy sinh do những tác động bên ngoài. Người dạy cần phải tạo ra hàng loạt các mâu thuẫn, khéo léo lôi cuốn, hấp dẫn để họ ý thức tiếp nhận việc học và tự tìm tòi kiến thức nhằm hình thành khả năng tự học. Đây là một kĩ năng quan trọng nhất cần hình thành ở người học bởi ‘phần lớn những kiến thức và kinh nghiệm có được trong cuộc đời nhờ vào việc tự học’.

1. Tạo động cơ cho hoạt động tự học

Thứ nhất, làm cho sinh viên thấy được vai trò, ý nghĩa của các kiến thức, kinh nghiệm nghiệp vụ đối với nghề dạy, đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới phương pháp dạy học Tiếng Việt (PPDHTV). Từ chỗ có kiến thức PPDHTV đến việc dạy học được Tiếng Việt là một khoảng cách rất xa. Một sinh viên có thể giải được bài tập Tiếng Việt, nhưng chưa chắc có thể hướng dẫn học sinh giải được bài tập đó. Vì vậy, cần giúp sinh viên thấy được hoạt động tự học (HĐTH) giúp củng cố, hệ thống hoá các kiến thức, kinh nghiệm nghiệp vụ sư phạm cho ngành nghề tương lai; giúp cho sinh viên thấy rằng việc không nắm vững một vấn đề, hay kiến thức nào đó sẽ ảnh hưởng đến chất lượng tự học của mình. Do đó, giảng viên cần thường xuyên tổ chức cho

sinh viên seminar, tập giảng, trao đổi, thảo luận tiết dạy dựa trên các cơ sở lí thuyết mà sinh viên đã học..

Ví dụ₁: Cho bài tập: *Giải và hướng dẫn học sinh giải bài tập sau.*

Đặt câu theo mẫu dưới đây:

Ai (hoặc cái gì, con gì?)	là gì?
Bạn Vân Anh	là học sinh lớp 2A.

(*Tiếng Việt 2, tập 1 – tr.27*)

Với yêu cầu giải bài tập, sinh viên dễ dàng đặt câu theo mẫu câu *Ai là gì?* (Mẹ em là bác sĩ. Bạn An là học sinh giỏi nhất lớp...). Tuy nhiên khi hướng dẫn học sinh giải, nếu sinh viên không có kiến thức nghiệp vụ sư phạm (xác định mục tiêu của bài học, các phương pháp và hình thức tổ chức lớp học, các phương tiện sử dụng để hỗ trợ cho việc dạy) thì khó có thể tổ chức dạy cho học sinh. Bởi lẽ, đây không phải là bài tập đơn giản yêu cầu học sinh đặt câu theo mẫu, mà quan trọng hơn là giúp học sinh biết được câu ‘*Ai là gì?*’ có tác dụng gì, cấu trúc của câu ‘*Ai là gì?*’ gồm có hai bộ phận (bộ phận trả lời cho câu hỏi ai, cái gì hoặc con gì; bộ phận trả lời cho câu hỏi là gì?). Dựa trên những hiểu biết về kiểu câu *Ai là gì?* học sinh biết nhận diện và đặt câu theo mẫu. Điều này làm cho họ thấy được tầm quan trọng của hệ thống kiến thức, kĩ năng đạt được bằng tự học.

Thứ hai, làm cho sinh viên thấy được ý nghĩa của HĐTH đối với nghề dạy trong từng trường hợp cụ thể. HĐTH giúp sinh viên hình thành một số năng lực tư duy khoa học (phán đoán, phân tích, so sánh, tổng hợp, sáng tạo, giải quyết vấn

đề, tư duy phê phán, khái quát hoá, trừu tượng hoá); giúp sinh viên hình thành kĩ năng lập kế hoạch tự học, tổ chức hoạt động tự học, đọc sách, tra tài liệu; giúp sinh viên có được phương pháp tự học để sau này dạy cho học sinh tự học.

Ví dụ₂: Giao cho sinh viên giải quyết vấn đề: Chữa dòng sau thành câu theo nhiều cách khác nhau “*Những bông hoa giẻ toả hương thơm ngát ấy*”.

Qua quá trình phân tích quan hệ ngữ pháp của dòng trên, sinh viên nhận thấy từ “*ấy*” chính là thành phần phụ bổ nghĩa cho cụm từ “*những bông hoa giẻ*”. Vì vậy, có thể giải quyết vấn đề bằng cách bỏ từ “*ấy*” hoặc chuyển từ “*ấy*” vào sau cụm từ “*những bông hoa giẻ*” (cách 1, 2). Mặt khác, cũng có thể xem cụm từ “*Những bông hoa giẻ toả hương thơm ngát ấy*” là chủ ngữ và chỉ thêm vị ngữ để tạo thành câu (cách 3):

Cách 1: Những bông hoa giẻ toả hương thơm ngát.

Cách 2: Những bông hoa giẻ ấy toả hương thơm ngát.

Cách 3: Những bông hoa giẻ toả hương thơm ngát ấy làm tôi xao xuyến.

Như vậy, trong quá trình tự giải bài tập theo những cách khác nhau, sinh viên rèn được năng lực tư duy, biết vận dụng quá trình tư duy để hướng dẫn học sinh tiểu học giải bài tập.

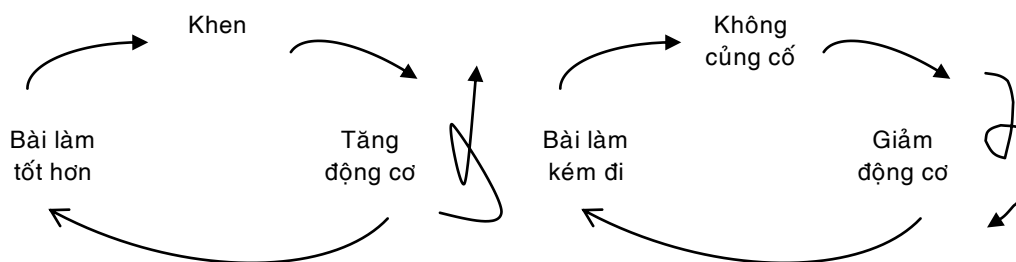
Thứ ba, tạo động cơ học tập thông qua việc đánh giá. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là một trong những yếu tố quan trọng, vì vậy đòi hỏi đánh giá phải chính xác, công bằng. Trong phần

đánh giá kết quả học tập học phần PPDHTV, bên cạnh những đánh giá bằng nhận xét, thì phần đánh giá bằng điểm nên có hai phần: điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi, được tính như sau:

Kiểm tra thường xuyên (50%)				Thi (50%)	Điểm học phần
Tập giảng	Thảo luận	Tự học	Tiểu luận	Bài thi	Trung bình

Ngoài ra, quan trọng hơn trong đánh

giá chính là phải làm cho người học biết tự đánh giá. Ngoài việc biết được việc đánh giá và điều chỉnh việc tự học của bản thân, sinh viên còn phải hình thành một số kĩ năng đánh giá môn Tiếng Việt ở bậc tiểu học. Một khâu khác cũng khá quan trọng trong quá trình đánh giá chính là yếu tố *khích lệ*, những lời khen, lời động viên có tác dụng rất lớn trong việc tạo động cơ cho HĐTH. Có thể hình dung qua sơ đồ sau:



Hình 1: Vai trò của lời khen đối với việc tạo động cơ cho hoạt động tự học

Thứ tư, phân công và giao nhiệm vụ học tập hợp lí, cần có hướng dẫn kịp thời nếu sinh viên thật sự cần giúp đỡ, hỗ trợ. Nếu không, dễ làm cho sinh viên thấy khó mà nản chí, động cơ tự học sẽ giảm. Như vậy, có thể nói, nhiệm vụ của HĐTH đóng vai trò rất quan trọng, do đó khi thiết kế, giảng viên cần chú ý:

- Nội dung tự học phải vừa sức sinh viên, phải có tính kế thừa những kiến thức, kinh nghiệm của các HĐTH trước.

- Nội dung tự học được giao phải gây được sự tò mò, hấp dẫn và nhu cầu cần thiết phải giải quyết nhiệm vụ. Do đó, những bài tập nêu ra phải ở dạng mở, cần có sự đào sâu suy nghĩ, nghiên cứu tài liệu chứ không phải là những bài tập tái hiện.

- Nhiệm vụ tự học phải góp phần phát huy tính sáng tạo và tự biểu đạt của sinh viên.

- Nhiệm vụ học tập phải thiết thực, gắn gũi với nhu cầu của sinh viên.

- Nên có những bài tập có thể phân hoá được trình độ của sinh viên.

2. Phân chia hoạt động tự học thành những hoạt động thành phần, những nội dung nhỏ để khi cần thiết hỗ trợ sinh viên một số hoạt động thành phần, nội dung

Tự học là một hoạt động học tập nên có cấu trúc của hoạt động. Do vậy, khi giao vấn đề tự học cho sinh viên cần phải lường trước các hoạt động thành phần mà sinh viên phải trải qua. Chẳng hạn, khi giao bài tập nghiên cứu nhỏ (tại nhà, cá

nhân hoặc nhóm), báo cáo seminar hay bài tập thiết kế kế hoạch dạy học, bài tập thảo luận tại lớp... giảng viên cần lường trước các hoạt động thành phần như: tìm tài liệu, đọc và nghiên cứu tài liệu, viết đề cương, tìm đồ dùng dạy học... để có thể hỗ trợ sinh viên kịp thời, tạo điều kiện cho HĐTH diễn ra dễ dàng. Chẳng hạn, nếu hoạt động viết đề cương nghiên cứu gặp khó khăn, giảng viên có thể chỉ dẫn và gợi ý các mục rõ ràng, gợi ý các vấn đề cần nghiên cứu trong đề tài; hoặc nếu sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm tài liệu, giảng viên có thể giới thiệu tài liệu, hoặc soạn tài liệu dưới hình thức thông tin trợ giúp, giảng viên cũng có thể hướng dẫn sinh viên tìm những tài liệu cần thiết trên mạng internet, đây cũng là cách để giúp sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình học tập và dạy học sau này.

Ngoài ra, trong một hoạt động lại có những nội dung nhỏ cần phải giải quyết. Chẳng hạn, với nhiệm vụ tìm hiểu *Những điểm cần lưu ý khi dạy học tiếng Việt ở bậc tiểu học*, ta thấy có những nội dung nhỏ mà sinh viên cần giải quyết: đặc điểm của PPDHTV ở tiểu học bị quy định bởi đặc điểm của học sinh lứa tuổi này. Cần chú ý đến bước chuyển từ giai đoạn tiền học đường sang giai đoạn đi học, chuyển hoạt động chủ đạo từ vui chơi sang hoạt động học tập để thấy đây là lần đầu tiên học sinh được trang bị một công cụ mới: đọc, viết; lần đầu tiên học sinh tiếp xúc với một phong cách ngôn ngữ mới – phong cách ngôn ngữ viết, có ý thức về “chuẩn ngôn ngữ”, “chuẩn văn

hoá”, tiếng Việt trở thành đối tượng cần tìm hiểu của học sinh. Cần xác định những đặc điểm ở học sinh tiểu học chi phối quá trình dạy học tiếng Việt và nêu những điểm cần lưu ý khi dạy học tiếng Việt ở bậc tiểu học. Như vậy, hoạt động này bao gồm:

- Bảo đảm sự ‘thành công’ của học sinh những ngày đầu đến trường.

- Chú ý hình thành ở học sinh ý thức về “chuẩn mực ngôn ngữ” và “chuẩn văn hoá lời nói”.

- Chú ý để hình thành dạng ngôn ngữ độc thoại và phong cách ngôn ngữ viết cho học sinh.

- Hình thành ở học sinh những thói quen và kĩ năng quan sát ngôn ngữ, tự điều chỉnh ngôn ngữ của mình.

Tuy nhiên, những yêu cầu này không phải dễ đối với sinh viên mới làm quen với những vấn đề cơ bản của dạy học tiếng Việt ở bậc tiểu học. Do đó, giảng viên phải chú ý có những tác động kịp thời để hỗ trợ, không sinh viên chán nản, mất hứng thú với nhiệm vụ học tập.

Nói chung, giảng viên không phải hoàn toàn phó thác nhiệm vụ tự học cho sinh viên mà cần phải nắm đặc điểm hoạt động của sinh viên để có những hướng dẫn đúng lúc và đúng mức độ.

3. Phân loại hoạt động tự học

Phân loại HĐTH là cơ sở điều khiển các HĐTH. Có nhiều cách phân loại như sau:

Phân loại dựa vào mức độ đơn giản, hay phức tạp của HĐTH. Chẳng hạn, đối với hoạt động xác định cấu trúc của bài

Làm quen với chữ cái (phân môn Học vần) là yêu cầu đơn giản hơn đối với việc yêu cầu sinh viên dựa vào cấu trúc của nhóm bài *Làm quen với chữ cái*, xây dựng quy trình dạy học và minh hoạ bằng một kế hoạch dạy học cụ thể.

Phân loại dựa vào tính độc lập của sinh viên khi tiến hành HĐTH. Có thể chia thành 3 mức độ:

- Mức độ độc lập thấp: tự học phải có thầy bên cạnh.

- Mức độ độc lập trung bình: tự học không có thầy bên cạnh nhưng có sự hướng dẫn, giao việc của thầy. Đây là hình thức phổ biến của sinh viên, thầy giao nhiệm vụ và có sự hướng dẫn, sinh viên về nhà làm và báo cáo, trình bày kết quả.

- Mức độ độc lập cao: Tự học độc lập không có thầy. Sinh viên tự nghiên cứu, tìm tòi kiến thức. Đây là hình thức tự học cao và chính là giai đoạn cuối cùng trong quá trình chuyển giao của giáo dục như J.W. Gardener nói "Mục tiêu cuối cùng của hệ thống giáo dục là chuyển giao cho cá nhân gánh nặng của việc tự theo đuổi việc học tập của chính mình" [3: .43].

Phân loại dựa vào những kinh nghiệm cần hình thành cho sinh viên. Các kinh nghiệm cần hình thành cho sinh viên như: giảng dạy, giải bài tập, thiết kế bài tập, bồi dưỡng học sinh giỏi... Tùy những kinh nghiệm cần hình thành mà giảng viên giao nhiệm vụ học tập một cách hợp lí. Ví dụ: để hình thành kinh nghiệm giảng dạy, giảng viên phải phân nhóm cho sinh viên thực hành, nếu như hình thành kinh nghiệm giải bài tập thì có thể cho sinh

viên tự giải cá nhân.

Phân loại dựa vào các phương tiện, điều kiện tiến hành tự học. Mức độ và hiệu quả của HĐTH phụ thuộc rất nhiều vào các phương tiện tự học. Tự học PPDHTV cần các phương tiện như giáo trình, sách giáo khoa, băng hình tiết dạy mẫu, các phần mềm hỗ trợ dạy học, máy vi tính, máy chiếu... Ngoài ra, tự học còn phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện chủ quan và khách quan (như khả năng tự học của sinh viên, môi trường tự học). Do đó, nếu khéo léo hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học đúng đắn, biết kết hợp các phương tiện dạy học hiệu quả trong môi trường học tập tốt thì chắc chắn kết quả tự học của sinh viên ngày càng nâng cao.

4. Hướng dẫn các kinh nghiệm tự học

Muốn hoạt động tự học diễn ra hiệu quả thì người học phải có kinh nghiệm tự học (không phải ai cũng có được những kinh nghiệm này). Các kinh nghiệm tự học cần trang bị cho sinh viên trong học phần PPDHTV như: lập kế hoạch công việc, tìm tài liệu, xác định mục tiêu của bài tập, trao đổi, thảo luận với bạn bè, thầy cô, đánh giá và tự đánh giá...

Ví dụ₃: Cho sinh viên nhiệm vụ tự học: *Tại sao cần bảo đảm sự thành công của học sinh trên giờ học tiếng Việt trong những ngày đầu đến trường?*

Để hoàn thành được nhiệm vụ trên, sinh viên cần phải có các kinh nghiệm: lập kế hoạch cho công việc, tìm nguồn tài liệu hợp lí, hiểu được mục tiêu dạy học tiếng Việt cho học sinh bậc tiểu học, hiểu được những yêu cầu về kiến thức cần đạt

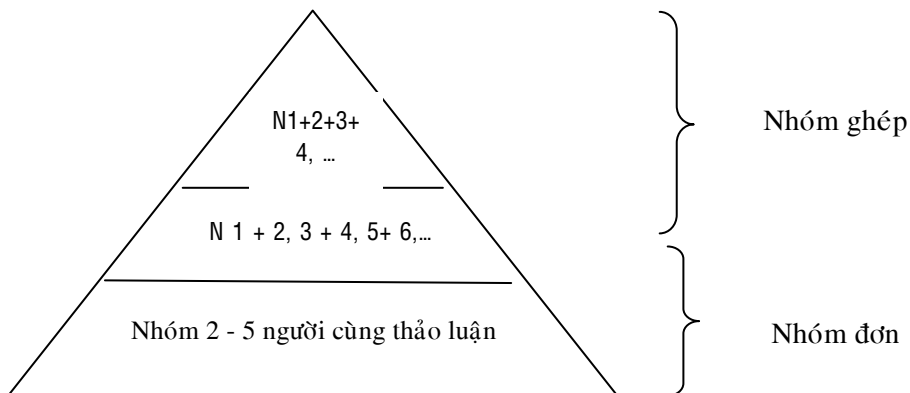
- Nhờ sự giúp đỡ của thầy cô <input type="checkbox"/> Ý kiến khác:
8. Đánh giá quá trình tự học <input type="checkbox"/> Tôi đã hoàn thành tốt công việc được giao <input type="checkbox"/> Tôi cảm thấy khó khăn trong quá trình tự học <input type="checkbox"/> Tôi thấy khó có thể làm việc tốt với tập thể nhóm
Bản thân tự cho điểm trong quá trình tự học:

5. Tổ chức lớp học thành những nhóm tự học hiệu quả

Nhóm học tập là nhóm sinh viên gắn bó mang tính chất bền chặt hơn và qua các kỳ học và các kỳ kiểm tra, kỳ thi, sinh viên hiểu biết và có trách nhiệm với nhau hơn. Ngoài giờ học, sinh viên hẹn gặp nhau để cùng nhau học tập, làm các bài tập tự học, thực hành tập soạn và giảng trong nhóm, giúp nhận xét các hoạt động dạy học của nhau... Nhóm này nên có một nhóm trưởng và một thư ký ghi lại số buổi đi học, số bài tập được hoàn thành, những vấn đề còn thắc mắc cần

trao đổi thêm,... Nếu giảng viên biết chọn các thành viên có khả năng khác nhau, và nếu các nhóm được thành lập ngay từ lúc đầu thì nhóm là phương pháp tốt.

Có thể thành lập nhóm theo kiểu mô hình kim tự tháp, có tác dụng để cho một vấn đề được nhiều người, nhiều nhóm cùng trao đổi. Người học trình bày kết quả trong nhóm và trao đổi thảo luận kết quả, ý kiến của các thành viên để đưa ra kết quả. Những vấn đề nào chưa giải quyết được trong nhóm sẽ được trao đổi trước tập thể hay nhiều nhóm gộp lại. Có thể hình dung qua biểu đồ sau:



Hình 2: Biểu đồ phân nhóm thảo luận

Ví dụ₄: Giao cho sinh viên những nhiệm vụ học tập: Thiết kế Kế hoạch dạy học phân môn Học văn – *Tiếng Việt 1*.

- Thiết kế kế hoạch dạy học bài *Làm quen với chữ cái* (Bài 1, Bài 3).

- Thiết kế kế hoạch dạy học bài *Dạy âm – vần mới* (Bài 7, Bài 29).

- Thiết kế kế hoạch dạy học bài *Ôn tập* (Bài 28, Bài 103).

Giảng viên chia lớp thành 6 nhóm, có thể phân chia nhiệm vụ cho các nhóm như sau: Nhóm 1: Bài 1, nhóm 2: Bài 3, nhóm 3: Bài 7, nhóm 4: Bài 29, nhóm 5: Bài 28, nhóm 6: Bài 103.

Trong đó, nhóm 2 phản biện nhóm 1, nhóm 1, 3, 4, 5, 6 đóng vai học sinh. Nhóm 3 phản biện nhóm 2, nhóm 2, 1, 4, 5, 6 đóng vai học sinh... Thông qua việc phân nhóm học tập, sinh viên được rèn luyện tinh thần làm việc tập thể, học được cách đánh giá và tự đánh giá, biết lập kế hoạch dạy học đồng thời nhận xét tiết dạy của bản thân và của người khác, một công việc cần thiết cho người giáo viên tương lai.

Nhìn chung, môn PPDHTV ở bậc tiểu học mang tính nghiệp vụ cao, giảng viên không thể dạy cho sinh viên tất cả

kiến thức cũng như kinh nghiệm nghiệp vụ sư phạm trong thời gian chỉ vài chục tiết học. Vì vậy, tự học đóng vai trò then chốt để giúp các em củng cố kiến thức, nâng cao nghiệp vụ sư phạm. Do đó, khi dạy, giảng viên cần phải chú ý tổ chức các HĐTH. Tùy theo điều kiện học tập, mức độ của HĐTH mà GV có những cách tổ chức hoạt động cho phù hợp. Giảng viên cần phải theo dõi HĐTH của sinh viên để có những hướng dẫn kịp thời; đồng thời phải kiểm tra kết quả và yêu cầu sinh viên báo cáo kết quả tự học.

*

ORGANIZING SELF-STUDY OF VIETNAMESE TEACHING METHODOLOGY FOR STUDENT OF THE PRIMARY TEACHER TRAINING PROGRAM

Vo Thi Ngoc Tram

Thu Dau Mot University

ABSTRACT

Vietnamese Teaching Methodology is a very important course in the primary teacher training program as it provides students with basic knowledge of teaching methodology. The knowledge containing in the course includes theory, experience and practicality. In the present trend of teaching method innovation, especially with the application of the credit system in training, the organization of activities to promote the self-study ability of students in teaching this course is very essential.

Keywords: *self-study activities, self-study skills, self-study group, Vietnamese teaching methodology, primary teacher training program*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Dự án phát triển giáo viên tiểu học, *Đổi mới phương pháp dạy học ở Tiểu học*, NXB Giáo dục, 2005.
 - [2]. Nguyễn Bá Kim (chủ biên), *Phương pháp dạy học môn Toán*, NXB Đại học Sư phạm, 2007.
 - [3]. Geoffrey Petty, *Dạy học ngày nay (Teaching today)* (Dự án Việt – Bỉ dịch), NXB Stanley Thornes, 1998.
 - [4]. Phó Đức Hoà – Ngô Quang Sơn, *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực*, NXB Giáo dục, 2008.
- Lê Phương Nga, *Giáo trình Phương pháp dạy học tiếng Việt (2 tập)*, NXB Đại học Sư phạm, 2008.